TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HSST
Ngày: 26/8/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2019/HSST, ngày 15 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐST-HS ngày 12/8/2019 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo: Bùi Đức L, sinh năm 1994; tại Hòa Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Không ổn định.

Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Bùi Văn Đ, sinh năm: 1968; Mẹ: Bùi Thị N, sinh năm: 1974; Anh chị em ruột có 02 người kể cả bị cáo; Vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không.

Tiền án: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/11/2015.

Nhân thân: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 14/4/2017.

Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 14/8/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2019 cho đến nay.

Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo Phạm Văn T, sinh năm: 1993; tại Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã E, huyện F, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Không ổn định.

Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Văn T (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971; Anh chị em ruột có 02 người kể cả bị cáo; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2019 cho đến nay.

Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

3/ Bị cáo: Nguyễn Văn R, sinh năm: 1984; tại Đà Nẵng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 625/8 đường G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: 120/5 ấp T, xã I, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1942; Mẹ: Lê Thị T, sinh năm: 1944; Anh chị em ruột có 08 người kể cả bị cáo; Vợ: Vòong Đếnh P, sinh năm: 1987; Con: có 03 người con gồm Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 2012, Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 2015 và Nguyễn Văn T, sinh năm: 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 06/5/2002, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số: 142/HS-ST ngày 06/5/2002.

Ngày 10/9/2002, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" sau khi tổng hợp với bản án số số: 142/HS-ST ngày 06/5/2002 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/4/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" xảy ra vào ngày 12/01/2006.

Ngày 02/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2019 đến nay.

Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N; (vắng mặt)

Địa chỉ: 184/32 đường L, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 16/01/2017, Đội quản lý thị trường 1A Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Công an huyện Củ Chi kiểm tra nhà số 53 đường Hồ Văn Tắng, tổ 9, ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn R, Phạm Văn T và Bùi Đức L đang sang chiết bia chai nhãn hiệu Saigon, loại 450ml sang chai bia nhãn hiệu Tiger loại 330 ml, đóng nắp chai, dán nhãn nắp chai bia hiệu Tiger. Thu giữ 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm loại 330 ml; 450 chai bia nhãn hiệu Saigon thành phẩm loại 450 ml; 2.700 vỏ chai bia hiệu Saigon; 384 vỏ chai bia nhãn hiệu Tiger (vỏ màu bạc); 888 vỏ chai bia hiệu Tiger (vỏ màu nâu); 01 máy tự chế dập nắp chai; 01 máy bơm dùng để súc rửa chai bia; 10,3 kg nắp chai bia các loại; 01 xe ô tô tải biển số 54M – 5358.

Tại Cơ quan điều tra, R, T, L khai nhận: do bạn bè giới thiệu nên quen biết với Thông (không rõ lai lịch), ngày 19/12/2016 Thông nhờ R đến địa chỉ 53 đường Hồ Văn Tắng, tổ 9, ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thỏa thuận thuê nhà với Nguyễn Thanh H, H đồng ý cho thuê với giá 3.500.000 đồng/01 tháng, R cầm tờ hợp đồng về cho Thông ký và ngày hôm sau cùng Thông đến trả tiền thuê và nhận nhà. Sau đó, R vào làm thuê cho ông Thông, tiếp đó có T và L do người quen giới thiệu cũng vào làm cho ông T đến ngày bị bắt. Công việc là sang chiết bia từ chai bia Sài Gòn xanh sang chai bia Tiger, đóng nắp, dán nhãn nắp chai với tiền công là 20.000 đồng một két, trung bình 01 ngày sang chiết được khoảng 40 tới 50 két và số tiền công mỗi người trung bình khoảng 300.000 đồng/01 ngày. Việc ông Thông chở bia Tiger đi tiêu thụ ở đâu thì không ai biết.

Theo bản kết luận giám định số 498/C54B ngày 20/02/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chất lỏng đựng trong các chai bia nhãn hiệu "Tiger since 1932" loại 330ml đều có thành phần hóa học cơ bản khác với mẫu bia chuẩn nhãn hiệu "Tiger since 1932" loại 330ml do Công ty TNHH nhà máy bia Heiniken Việt Nam cung cấp.

Theo kết luận số 70 ngày 24/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C, kết luận: 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm loại 330ml/chai có giá trị 12.650.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm, loại 330ml/chai.
- 450 chai bia nhãn hiệu Saigon thành phẩm, loại 450ml/chai.
- 2.700 vỏ chai bia Saigon.
- 384 vỏ chai bia nhãn hiệu Tiger (vỏ màu bạc).
- 888 vỏ chai bia hiệu Tiger (vỏ màu nâu).
- 01 máy tự chế dập nắp chai.
- 01 máy bơm dùng để súc rửa chai bia.
- 10,3 kg nắp chai bia các loại.
- 01 xe ô tô tải biển số 54M – 5358.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị cáo L tự nguyện nộp lại số tiền công là 5.000.000 đồng đã nhận do việc sản xuất hàng giả.

Bị cáo T tự nguyện nộp lại số tiền công là 4.000.000 đồng đã nhận do việc sản xuất hàng giả.

Bị cáo R tự nguyện nộp lại số tiền công là 7.000.000 đồng đã nhận do việc sản xuất hàng giả.

Tại bản cáo trạng số 115/CT-VKSCC ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R về tội "Sản xuất hàng giả là thực phẩm" theo khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ.

Khoảng 11 giờ ngày 16/01/2017, tại nhà số 53 đường Hồ Văn Tắng, tổ 9, ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R đang sản xuất hàng giả bằng hình thức sang chiết bia chai nhãn hiệu Saigon loại 450ml sang chai bia nhãn hiệu Tiger, thu giữ 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm làm giả loại 330ml, có giá trị tương đương hành thật là 12.650.000 đồng thì bị bắt giữ quả tang cùng tang vật. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R đã phạm tội "Sản xuất hàng giả là thực phẩm" theo khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Bùi Đức L bị áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Đức L từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ông Nguyễn Thanh H cho ông Thông thuê để chứa bia, không biết ông Thông sang chiết bia giả nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H.

Đối với Thông (chưa rõ lai lịch), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận, không trình bày gì thêm.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo L trình bày: Bị cáo bị hạn chế về pháp luật xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án hợp lý.

Bị cáo T trình bày: Do hoàn cảnh khó khăn, thiếu hiểu biết về pháp luật và cần tiền về quê ăn tết nên bị cáo mới phạm tội rất mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo R trình bày: Bị cáo biết việc làm của mình là sai mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm về với gia đình và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, cụ thể:

Khoảng 11 giờ ngày 16/01/2017, tại nhà số 53 đường Hồ Văn Tắng, tổ 9, ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R đang sản xuất hàng giả bằng hình thức sang chiết bia chai nhãn hiệu Saigon loại 450ml sang chai bia nhãn hiệu Tiger loại 330ml, thì bị bắt giữ quả tang cùng tang vật. Theo bản kết luận giám định số 498/C54B ngày 20/02/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chất lỏng đựng trong các chai bia nhãn hiệu "Tiger since 1932" loại 330ml đều có thành phần hóa học cơ bản khác với mẫu bia chuẩn nhãn hiệu "Tiger since 1932" loại 330ml do Công ty TNHH nhà máy bia Heiniken Việt Nam cung cấp. Theo kết luận số 70 ngày 24/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C, kết luận: 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm loại 330ml/chai có giá trị 12.650.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R đã phạm tội "Sản xuất hàng giả là thực phẩm", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do các bị cáo chỉ là người làm công, hưởng lương theo sự điều hành, chỉ đạo của Thông, việc làm thì đơn giản, lao động phổ thông có thể làm được, máy móc, thiết bị đều do Thông cung cấp, chuẩn bị. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội đơn giản, không có tính chất chuyên nghiệp và không có sự bàn bạc, tổ chức chặt chẽ giữa các thành viên với nhau, tất cả đều làm theo chỉ đạo của Thông do đó Hội đồng xét xử không xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo là chuyên nghiệp và có tổ chức là có cơ sở.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh doanh cụ thể là trật tự của nền sản xuất hàng hóa, làm mất sự ổn định của thị trường xâm hại lợi ích và sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thật nghiêm khắc.

Các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R là người thành niên, nhận thức rỏ hành vi của mình là sai trái, bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện. Tuy nhiên cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Bị cáo L chỉ là người làm thuê cho Thông; Tiền sự: không; Tiền án: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/11/2015, năm 2017 bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" xảy ra vào ngày 14/4/2017 nhưng do hành vi "Sản xuất hàng giả là thực phẩm" xảy ra trước ngày 14/4/2017 nên hành vi phạm tội của bị cáo Linh chỉ được xem là tái phạm đối với tội "Trộm cắp tài sản" khi xét xử đối với tội phạm này. Tại phiên tòa, bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho bị cáo L là có cơ sở.

Bị cáo T cũng chỉ là người làm thuê cho Thông; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đã tự nguyện đầu thú vào ngày 29/4/2019. Tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho bị cáo T là có cơ sở.

Bị cáo R cũng chỉ là người làm thuê cho Thông nhưng bị cáo R là người hỗ trợ đắc lực cho Thông thể hiện việc đi thuê mặt bằng, phụ trách khâu quan trọng là đóng nắp chai trong quy trình sản xuất hàng giả, do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn đối với bị cáo R khi lượng hình; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 02/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng; Nhân thân: đã thực hiện rất nhiều tội phạm trước đó nhưng đã được xóa án tích. Tại phiên tòa, bị cáo R thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho bị cáo R là có cơ sở.

Đối với Thông (chưa rõ lai lịch), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Thanh H cho ông Thông thuê để chứa bia, không biết ông Thông sang chiết bia giả nên không có căn cứ truy tố ông H. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc nộp lại tiền công đã nhận do việc sản xuất hàng giả là thực phẩm có được.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 193 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo chỉ là người làm công cho Thông và không có nghề nghiệp ổn định nên quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy:

- 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm, loại 330ml/chai.
- 10,3 kg nắp chai bia các loại.

Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước:

- 450 chai bia nhãn hiệu Saigon thành phẩm, loại 450ml/chai.
- 2.700 vỏ chai bia Saigon.
- 384 vỏ chai bia nhãn hiệu Tiger (vỏ màu bạc).
- 888 vỏ chai bia hiệu Tiger (vỏ màu nâu).
- 01 máy tự chế dập nắp chai.
- 01 máy bơm dùng để súc rửa chai bia.

Xe ô tô tải biển số 54M – 5358 do ông Nguyễn Văn N là chủ sở hữu, xe này ông đã bán cho người khác nhưng chưa sang tên, việc mua bán chỉ là giao giấy tờ xe và nhận tiền. Trong gia đoạn điều tra, ông N không yêu cầu gì đối với xe ô tô tải biển số 54M – 5358; Tòa án đã tiến hành triệu tập ông N đến Tòa án để làm việc đúng theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông N vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy xe ô tô tải 54M – 5358 là công cụ, phương tiện phạm tội; ông N từ chối nhận tài sản do đã bán và không tìm được chủ sở hữu thực sự do đó cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản cáo trạng số 115/CT-VKSCC ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R về tội "Sản xuất hàng giả là thực phẩm" theo khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử lý vật chứng. Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo L, T, R phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thượng vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R phạm tội "Sản xuất hàng giả là thực phẩm";

- Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Bùi Đức L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2019.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy: 1.150 chai bia nhãn hiệu Tiger thành phẩm, loại 330ml/chai; 10,3 kg nắp chai bia các loại.

Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: 450 chai bia nhãn hiệu Saigon thành phẩm, loại 450ml/chai; 2.700 vỏ chai bia Saigon; 384 vỏ chai bia nhãn hiệu Tiger (vỏ màu bạc); 888 vỏ chai bia hiệu Tiger (vỏ màu nâu); 01 máy tự chế dập nắp chai; 01 máy bơm dùng để súc rửa chai bia; 01 xe ô tô tải biển số 54M – 5358 (theo phiếu nhập kho vật chứng số 151A ngày 19/6/2018, bút lục số 236).

Buộc bị cáo Bùi Đức L phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Bị cáo Phạm Văn T phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Bị cáo Nguyễn Văn R phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo Bùi Đức L, Phạm Văn T, Nguyễn Văn R được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Phòng PC 27;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (26b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương